

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/01/2022

**“V/v: Tranh chấp ly hôn”**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2323/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc: **“Tranh chấp ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2021/QĐXX-ST ngày 29/11/2021, Quyết định hoãn phiên Tòa số 589/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Bà Vy Thị Phúc H, sinh năm: 1989**

Địa chỉ: 130/2/17, ấp Đ, xã H, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1984**

Địa chỉ: 24C/5, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Vy Thị Phúc H trình bày:** bà và ông T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn ông T nghiện

ma túy không có trách nhiệm với gia đình vợ con đánh đập bạo hành bà. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu tên là Nguyễn Vy Quỳnh A, sinh ngày: 02/01/2009; Nguyễn Duy T, sinh ngày: 09/06/2017. Hiện hai cháu đang sống với bà nếu Tòa giải quyết ly hôn bà xin nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác

**Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: ông không đồng ý ly hôn

Về con chung: ông xin nuôi cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày: 09/06/2017; giao cháu Nguyễn Vy Quỳnh A, sinh ngày: 02/01/2009 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: ông yêu cầu chia đôi số tiền 390.000.000đ ( Ba trăm chín mươi triệu đồng) bao gồm 220.000.000đ ( Hai trăm hai mươi triệu đồng) tiền mặt và 170.000.000đ ( Một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền hàng hóa.

Về nợ chung: không có.

**\* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Vy Thị Phúc H. Cho bà Vy Thị Phúc H được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

+ Về con chung: có 02 cháu tên là Nguyễn Vy Quỳnh A, sinh ngày: 02/01/2009; Nguyễn Duy T, sinh ngày: 09/06/2017. Giao 02 cháu cho bà Vy Thị phúc H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: bà H phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bà Vy Thị Phúc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T là phù hợp.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Vy Thị Phúc H và ông Nguyễn Minh T tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà H, ông T là hợp pháp. Nay bà H xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà H:** Bà H xin ly hôn với ông T với lý do bất đồng trong suy nghĩ, quan điểm sống khác biệt nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, gây gổ cãi vã nhau. Về phía ông T không đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng chưa rõ ràng về tài sản.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T thì được biết vợ chồng bà H ông T có xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống.

Trên cơ sở tài liệu thu thập được xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ lý do ông T không đồng ý ly hôn với bà H là do vợ chồng chưa có sự thống nhất về tài sản, đồng thời từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, bản thân ông T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng thuyết phục bà H trở về sống với ông. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T chỉ còn trên danh nghĩa nên có hàn gắn ông bà cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Cho bà H được ly hôn với ông T là phù hợp.

**[4] Về con chung:** có 02 cháu tên là Nguyễn Vy Quỳnh A, sinh ngày: 02/01/2009; Nguyễn Duy T, sinh ngày: 09/06/2017. Ly hôn bà H, ông T đều có nguyện vọng được nuôi con. Tòa án đã tham khảo ý kiến của cháu Quỳnh A thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ để mẹ chăm sóc cháu. Trên cơ sở hồ sơ vụ kiện, Tòa án đã tiến hành xác minh tại ấp Đ, xã H, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai là nơi bà H và 02 cháu Quỳnh A và Duy T đang sinh sống thì được địa phương cung cấp tại địa phương bà H luôn chấp hành chủ trương đường lối của nhà nước riêng 02 cháu Quỳnh A và Duy T, 02 cháu ngoan và phát triển bình thường. Tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao 02 cháu cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; Bà H không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

**[5] Về tài sản chung:** bà H không có yêu cầu giải quyết. Qua làm việc Tòa án có lập biên bản giải thích với ông T về việc phải có đơn khởi kiện nếu ông T có yêu cầu chia tài sản và cho ông T thời hạn nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản nhưng ông T không thực hiện. Sau đó, Tòa đã ban hành văn bản yêu cầu ông T làm đơn khởi kiện trong trường hợp có yêu cầu chia tài sản nhưng ông T vẫn không thực hiện. Căn cứ khoản 1 điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016 Tòa án không thụ ký yêu cầu chia tài sản của ông T.

**[6] Về nợ chung:** Bà H, ông T khai không có nên không đặt ra giải quyết.

**[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm:** Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình

sơ thẩm.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 189, Điều 203, 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2016;

- Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 ; điều 51, 53, 54, 56, 57, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Vy Thị Phúc H. Bà Vy Thị Phúc H được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: có 02 cháu tên là Nguyễn Vy Quỳnh A, sinh ngày: 02/01/2009; Nguyễn Duy T, sinh ngày: 09/06/2017. Ly hôn giao 02 cháu Quỳnh A và Duy T cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Tuấn được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0007208 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND thành phố B(2);
- THA Dân sự thành phố B(1);
- TP Ba, tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND P T, TP B, tỉnh Đồng Nai
- Đương sự (2)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Mộng Hà**

